

Phụ lục 1. Các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Thông báo số 3519/TB-ĐHNN ngày 10 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

1. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung hướng đến sự phát triển chuyên sâu về kiến thức lý luận, kỹ năng, năng lực nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng hoặc phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nhằm chuẩn bị cho người học phát triển sự nghiệp nghiên cứu và học thuật. Trong đó khối lượng nghiên cứu khoa học là 30 tín chỉ, bao gồm 15 tín chỉ cho các chuyên đề nghiên cứu và 15 tín chỉ cho luận văn tốt nghiệp.

Chương trình này dành cho thí sinh có hạng tốt nghiệp đại học từ Khá trở lên hoặc có hạng tốt nghiệp đại học Trung bình/ Trung bình Khá và có công bố khoa học như bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.

2. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung nhằm nâng cao kỹ năng thực hành và năng lực ứng dụng các lý thuyết ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng hoặc phương pháp giảng dạy ngoại ngữ vào thực tiễn giảng dạy ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục hoặc trong các môi trường làm việc có liên quan. Trong đó khối lượng thực tập là 6 tín chỉ và 9 tín chỉ cho đề án tốt nghiệp.

Chương trình này dành cho thí sinh có hạng tốt nghiệp đại học Trung bình/ Trung bình Khá hoặc Khá trở lên.

Lưu ý: Thí sinh lựa chọn Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu hoặc Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng ngay khi đăng ký xét tuyển trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN trong thời hạn quy định. Sau khi hết thời gian đăng ký, thí sinh không được phép chuyển đổi từ Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu sang Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng và ngược lại.

**Phụ lục 2. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp
trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025**

*(Kèm theo Thông báo số 3519/TB-ĐHNN ngày 10 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)*

TT	Chuyên ngành xét tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp
1.	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh
2.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh
3.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
4.	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga	Sư phạm tiếng Nga
5.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga	Sư phạm tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga
6.	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Sư phạm tiếng Pháp
7.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	Sư phạm tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp
8.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc
9.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung	Sư phạm tiếng Trung	Ngôn ngữ Trung Quốc
10.	Ngôn ngữ Đức	Ngôn ngữ Đức	Sư phạm tiếng Đức
11.	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Sư phạm tiếng Nhật
12.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Sư phạm tiếng Hàn; Hàn Quốc học

Phụ lục 3. Hướng dẫn tiêu chí và cách tính điểm chấm hồ sơ xét tuyển

(Kèm theo Thông báo số 3519/TB-ĐHNN ngày 10 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

I. Các mốc thang điểm qui đổi:

1. Xuất sắc (Điểm TBC từ 3,6 đến 4,0):	80 điểm
2. Giỏi (Điểm TBC từ 3,2 đến 3,59):	70 điểm
3. Khá (Điểm TBC từ 2,5 đến 3,19):	60 điểm
4. Trung bình (Điểm TBC từ 2,0 đến 2,49):	50 điểm

II. Bảng qui đổi điểm:

9,0 – 10	tương ứng với	A ⁺	điểm quy đổi	4.0
8,5 – 8,9	tương ứng với	A	điểm quy đổi	3.7
8,0 – 8,4	tương ứng với	B ⁺	điểm quy đổi	3.5
7,0 – 7,9	tương ứng với	B	điểm quy đổi	3.0
6,5 – 6,9	tương ứng với	C ⁺	điểm quy đổi	2.5
5,5 – 6,4	tương ứng với	C	điểm quy đổi	2.0
5,0 – 5,4	tương ứng với	D ⁺	điểm quy đổi	1.5
4,0 – 4,9	tương ứng với	D	điểm quy đổi	1.0
Dưới 4,0	tương ứng với	F	điểm quy đổi	0

III. Tính điểm NCKH và thành tích khác:

1. Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 10 điểm; Cấp sở GDĐT: 8 điểm; cấp huyện/cụm: 6 điểm;

2. Đạt giải thưởng cấp trường đại học hoặc cấp khoa trực thuộc/ cấp trường phổ thông: 5 điểm;

3. Bài báo/công bố quốc tế: Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI/Scopus/Web of Science: 10 điểm/1 bài; bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín khác: 9 điểm/1 bài; bài công bố toàn văn đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế có phản biện: 8 điểm/1 bài;

4. Bài báo/công bố trong nước: Các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong danh mục tạp chí do hội đồng GSNN qui định được tính điểm như sau: tạp chí 1 điểm = 8 điểm/1 bài; tạp chí 0.75 điểm = 7 điểm/1 bài; tạp chí 0.5 điểm = 6 điểm/1 bài; tạp chí 0.25 điểm = 5 điểm/1 bài; Các tạp chí khác tạp chí khác không thuộc danh mục hội đồng GSNN qui định có chỉ số ISSN: 1 điểm/1 bài; Bài công bố toàn văn đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia có phản biện: 4 điểm/1 bài;

5. Bài trình bày hội thảo (không có toàn văn) cấp quốc tế: 5 điểm/ 1 bài; cấp quốc gia: 3 điểm/1 bài;

6. Bài trình bày nghiên cứu tại tập san/hội thảo không có chỉ số ISSN: cấp Trường tính 2 điểm/1 bài; cấp Khoa/Bộ môn tính 1 điểm/1 bài; sáng kiến kinh nghiệm tính 1 điểm/1 sáng kiến;

7. Tham gia 1 hoạt động phục vụ cộng đồng: 10 điểm.

Tham gia hoạt động tự nguyện, không vì mục tiêu lợi nhuận, hướng đến việc cải thiện đời sống cộng đồng, hỗ trợ những cá nhân hay nhóm người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế hoặc đóng góp vào các công việc mang lại lợi ích chung cho xã hội.

Những hoạt động này bao gồm các việc như hỗ trợ giáo dục, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giúp đỡ người già, trẻ em, người khuyết tật, tham gia vào các chiến dịch tình nguyện, hoạt động từ thiện, và các chương trình phát triển cộng đồng.

**Phụ lục 4. Cấu trúc phần thi phỏng vấn tuyển sinh
đào tạo thạc sĩ theo phương thức xét tuyển**
(Kèm theo Thông báo số 3519/TB-ĐHNN ngày 10 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Thời gian phỏng vấn: 12 phút/1 thí sinh
- Hình thức: 2GK/1 thí sinh
- Ngôn ngữ phỏng vấn: Ngôn ngữ thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành đào tạo
- Số phần: 2
- Thang điểm đánh giá: 100
- Mục đích: Đánh giá chung về năng lực ngôn ngữ, động cơ và mục đích học tập; đánh giá kiến thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu của thí sinh.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

PHẦN 1: 50 ĐIỂM

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NĂNG LỰC NGÔN NGỮ, ĐỘNG CƠ VÀ MỤC ĐÍCH HỌC TẬP

Thời gian: 5 phút

Nội dung phỏng vấn: GK căn cứ vào đề cương và Hướng dẫn chấm do HĐTS ban hành để phỏng vấn thí sinh. Tùy vào thời gian và phần trả lời của thí sinh, giám khảo có thể chọn tất cả/một số ý trong các nội dung trong đề cương để phỏng vấn thí sinh.

- Phỏng vấn thông tin cá nhân thí sinh (Họ tên, quê quán, đơn vị công tác,...)
- Lý do thí sinh lựa chọn Trường Đại học Ngoại ngữ là địa chỉ học tập bậc thạc sĩ.
- Lý do thí sinh đăng ký theo học bậc thạc sĩ theo chuyên ngành đăng ký.
- Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình công tác tại các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành dự tuyển.
- Kiến thức/kỹ năng thí sinh đã được trang bị để chuẩn bị cho quá trình học tập ở bậc thạc sĩ.
- Kiến thức, kỹ năng thí sinh mong muốn được trang bị trong quá trình tham gia học tập và nghiên cứu liên quan đến định hướng nghề nghiệp của thí sinh.
- Kế hoạch học tập của thí sinh dự kiến trong thời gian đào tạo để hoàn thành chương trình học tập đúng hạn (việc sắp xếp thời gian học tập phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường, khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn đúng hạn...)

PHẦN 2: 50 ĐIỂM

ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VÀ NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU

Thời gian: 7 phút

Nội dung phỏng vấn: GK căn cứ vào Đề cương và Hướng dẫn chấm do HĐTS ban hành để phỏng vấn thí sinh. Tùy vào thời gian và phần trả lời của thí sinh, giám khảo có thể chọn tất cả/một số ý trong các nội dung trong đề cương để phỏng vấn thí sinh.

Đánh giá kiến thức chuyên môn:

Hiểu biết kiến thức cơ bản trong lĩnh vực dự tuyển (kiến thức ngành/chuyên ngành đào tạo).

- Sự tìm hiểu của thí sinh về nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành đăng ký.
- Đánh giá khả năng nhận diện, phân tích vấn đề, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy logic, khả năng thuyết trình và phản biện của thí sinh.
- Kiến thức, kỹ năng về chuyên ngành thí sinh mong muốn được trang bị trong quá trình học tập và định hướng nghề nghiệp của thí sinh.
- Các kiến thức mở rộng mang tính thời sự, xu hướng phát triển, tương lai phát triển của chuyên ngành mà thí sinh đăng ký dự tuyển.

Đánh giá năng lực nghiên cứu:

- Định hướng nghiên cứu mong muốn được thực hiện trong thời gian học tập bậc thạc sĩ.
- Các hiểu biết cơ bản liên quan đến định hướng nghiên cứu dự định thực hiện.
- Khả năng nghiên cứu độc lập, các ưu điểm, tố chất cần bồi đắp thêm trong quá trình học tập của thí sinh.